VNUHCM Journal of Social Sciences and Humanities 2026, 10(3):4027-4037

Open Access Full Text Article

Bài nghiên cứu

Phân nhóm vị từ chuyển tác theo ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp với lý thuyết Đề - Thuyết

Phan Thanh Tâm*

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết này áp dụng thủ pháp phân tích nghĩa tố và phân tích vị từ - tham tố để phân nhóm các vị từ chuyển tác hoặc tác động, dựa theo ngữ nghĩa của vị từ và kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ đó. Theo ngữ nghĩa, các vị từ chuyển tác được phân thành hai nhóm là vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến dựa theo tính tất yếu xảy ra của sự tình kết quả và ``độ trễ'' giữa sự tình chuyển tác và sự tình kết quả. Với vị từ gây khiến, sự tình kết quả tất yếu xảy ra và xảy ra ngay tức khắc khi nhận sự tình chuyển tác, trong khi với vị từ cầu khiến, sự tình kết quả chỉ diễn ra theo một quyết định nhận thức của bị thể và có một ``độ trễ'' nhất định theo quyết định nhận thức của bị thể để diễn ra. Các vị từ gây khiến cũng được phân thành hai tiểu nhóm là các vị từ tác động gây chuyển động có hai kết cấu cú pháp chỉ sự tình kết quả gồm [N1 - V1 {N2 - V2}] và [N1 - V1 {V2 - N2}] và các vị từ tác động thay đổi tâm lý với kết cấu cú pháp [N1 - V1 {N2 - V2}]; các vị từ cầu khiến chỉ có một kết cấu cú pháp tuyến tính là [N1 - V1 {N2 - V2}] nhưng vẫn có hai tiểu nhóm gồm vị từ cầu khiến trực tiếp và vị từ cầu khiến gián tiếp. Các tiểu nhóm của cả vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến cũng có hai loại vị từ có tích hợp phương thức [+ phương thức] để chỉ hành vi gây khiến hay cầu khiến và không có tích hợp phương thức [- phương thức] khi nhận thức chuyển tải được tập trung vào sự tình kết quả.

Từ khoá: vị từ chuyển tác, vị từ gây khiến, vị từ cầu khiến, vị từ tác động gây chuyển động, cấu trúc gây khiến

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ cuối thập niên 1970, những công trình nghiên cứu về cấu trúc gây khiến hay chuyển tác trong tiếng Việt đã rất được quan tâm cùng với xu thế của thế giới sau những công trình của Leonard Talmy với vị từ chuyển động [1–3], cùng với đó là vị từ gây chuyển động, hay gây khiến và vị từ chuyển động do tác động. Adele E. Goldberg với nhóm động từ có cấu trúc gây chuyển động (caused motion construction) hay gây khiến [4]. Yếu tố gây khiến trong cấu trúc câu thường được diễn đạt trong ngôn ngữ theo ba cách: (a) hình thái học; (b) từ vựng, khi nét nghĩa tác động và nét nghĩa kết quả đồng thời được tích hợp trong một trường từ vựng của động từ; và (c) cú pháp, khi nghĩa gây khiến, nhìn chung, được thể hiện dưới một cấu trúc có hai danh ngữ [4]. Chẳng hạn, tiếng Hàn với hình thái học khi các tiếp từ 이/히/리/기/우/추 được thêm vào gốc của động từ hoặc tính từ như 진주가왜 울어요?(*Sao Jinju khóc thế?*)thành 오빠가 진주를 울렸 거든요(*Anh trai làm nó khóc đó*); tiếng Anh với từ vựng khi nét nghĩa tác động và nét nghĩa kết quả đồng thời được tích hợp trong một trường từ vựng của động từ như *to kill (giết), to break (làm vỡ), to boil (nấu), to open (mở)* [5, tr.30-36]. Theo Cao Xuân Hạo, tiếng Việt được xem là ngôn ngữ phân tích tính cao với ý nghĩa gây khiến được chủ yếu thể hiện bằng dạng thức cú pháp như [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}] [6].

Xu thế nghiên cứu đặc trưng vị từ chuyển động do tác động đồng thời trên cả hai hướng cú pháp và ngữ nghĩa cũng là xu thế chung của thế giới. Công trình nghiên cứu của nhiều nhà ngôn ngữ học trên thế giới cho thấy, cách diễn đạt vị từ chuyển động cũng như vị từ chuyển động do tác động trong bất kỳ ngôn ngữ nào cũng phụ thuộc vào hai khía cạnh từ vựng và cú pháp trong ngôn ngữ đó [2,3,7–15]. Bên cạnh đó, nhiều công trình cũng cho thấy nhóm vị từ tác động gây chuyển động ảnh hưởng rất sâu sắc đến việc lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai của người học [16–25]. Trong việc lĩnh hội ngôn ngữ thứ hai của người học, yếu tố hệ thống các nhóm từ vựng theo ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp là rất quan trọng để người học nắm được ngôn ngữ theo học [26,27]. Tuy nhiên, trong nhiều công trình nghiên cứu về cấu trúc gây khiến của vị từ chuyển tác của các nhà ngôn ngữ Việt Nam, đặc trưng của cấu trúc thường được quan tâm hơn là việc phân nhóm. Đồng thời, việc xem xét cấu trúc được thể hiện dưới một cấu trúc tuyến tính với hai danh ngữ và hai vị từ thường dẫn đến việc xem xét cấu trúc cú pháp câu với vị từ

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Phan Thanh Tâm, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: phanthanhtam@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 30-06-2025
- Ngày sửa đổi: 24-02-2026
- Ngày chấp nhận: 31-08-2026
- Ngày đăng: 28-09-2026

DOI :https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1195

Check for updates

Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG-HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Tâm P T. **Phân nhóm vị từ chuyển tác theo ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp với lý thuyết Đề - T huyết**. *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(3):4027-4037.

chuyển tác tiếng Việt thiên về chủ - vị, trong khi tiếng Việt là một ngôn ngữ thiên về chủ đề[6,28,29].

Bài viết này trình bày việc phân nhóm vị từ chuyển tác với các tiểu nhóm và những cấu trúc cú pháp của từng tiểu nhóm, đồng thời phân tích cấu trúc cú pháp của từng tiểu nhóm theo lý thuyết Đề - Thuyết để có một cái nhìn rõ hơn với vị từ chuyển tác trong tiếng Việt, đồng thời tạo thuận lợi cho việc giảng dạy tiếng Việt, đặc biệt với người nước ngoài.

TỔNG QUAN VẤN ĐỀ

Từ cuối thập niên 1970, yếu tố chuyển tác của vị từ được các nhà nghiên cứu Việt Nam rất quan tâm theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau nên có những khác biệt nhất định trong việc xác định các lớp vị từ chuyển tác. Mỗi tác giả có luận lý và phương pháp tiếp cận lớp vị từ chuyển tác này khác nhau, đưa đến góc nhìn vào lớp vị từ chuyển tác có khác nhau.

Nguyễn Kim Thản trong *Động từ trong tiếng Việt* cho rằng động từ gây khiến biểu thị những hoạt động thúc đẩy, cho phép, giúp đỡ hay cản trở sự thực hiện của những hành động khác [30, tr.147]. Tác giả đưa ra một số lượng lớn động từ được cho là gây khiến, gồm có *bảo, bắt, buộc, bắt buộc, cản trở, cho phép, cổ vũ, cưỡng bức, cưỡng ép, dạy, dẫn, dắt, dìu, dìu dắt, đề nghị, đòi hỏi, cần, giục, gọi, giúp đỡ, khuyên nhủ, khuyên răn, khuyên bảo, khuyến khích, lãnh đạo, mời, nài nỉ, nài ép, thuyết phục, yêu cầu, ra lệnh*, v.v. [30, tr.148]. Như vậy, theo ngữ nghĩa các vị từ được đề xuất với yếu tố gây khiến của Nguyễn Kim Thản, sự tình kết quả không nhất thiết diễn ra, và có hay không có diễn ra phụ thuộc vào quyết định cân nhắc của bị thể để đáp lại vị từ gây khiến.

Lê Cận và Phan Thiều với *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt* cho rằng, vị từ gây khiến là lớp nhỏ của động từ, biểu thị "những hoạt động cho phép, thúc đẩy, tạo điều kiện cho việc thực hiện những hoạt động khác nhau". Về mặt cú pháp, nhóm tác giả cho rằng, lớp vị từ gây khiến đòi hỏi phải có hai "bổ tố", một là danh từ chỉ đối tượng nhận tác động của hành động được thực hiện bởi tác thể, và hai là động từ chỉ kết quả từ sự tình gây khiến[31]. Tương tự Nguyễn Kim Thản, Lê Cận và Phan Thiều cũng đưa ra những vị từ gây khiến như *khuyên, cấm, cho phép, ép, mời,* v.v. là những vị từ mà sự tình kết quả vẫn đòi hỏi một quyết định nhận thức của bị thể để thực hiện hay không thực hiện sự tình chuyển tác[30,31].

Hoàng Văn Thung và Lê A với *Ngữ pháp tiếng Việt* quan tâm nhiều hơn vào tính cầu khiến của vị từ khi phân loại lớp vị từ cầu khiến là một trong nhóm các động từ chỉ hành động và trạng thái với các vị từ tiêu biểu như *mời, sai, khuyên, bảo,* v.v. Tuy nhiên, hai tác giả này lại không đề cập đến các "vị từ gây khiến" mà xem các vị từ tác động về mặt thể chất đến bị thể là các ngoại động từ[32].

Diệp Quang Ban và Hoàng Văn Thung với *Ngữ pháp tiếng Việt* (tập 1) xếp các động từ *đánh, trồng, học,* v.v, *cho, tặng, gửi, lấy,* v.v, *sai, bảo, khiến,* v.v., *đi, chạy, bò, lăn,* v.v., *kéo, đẩy, xô,* v.v. vào chung nhóm động từ hành động có tính tác động, hoặc bị tác động, hoặc bị chuyển động thường có thực từ đi kèm [33, tr.100]. Với các động từ có hai thực từ đi kèm biểu thị đối tượng sai khiến và nội dung sai khiến, nhóm tác giả này quy là động từ "khiến động", thuộc lớp ngoại động từ.

Lê Biên xếp *động từ tác động* trong mảng động từ độc lập và là những động từ chỉ vận động, quá trình thuộc về hành vi của chủ thể với bổ ngữ là đối tượng nhận hành động [34, tr.76] như *cắt, gặt, cuốc, chặt, ăn, bắt, gánh, xách, giết, đọc, đóng*, v.v. Tác giả cũng cho rằng, trong lớp động từ chỉ hành động tác động có tiểu loại có hai bổ ngữ, trong đó có ít nhất một bổ ngữ là đối tượng như tiểu loại động từ mang nghĩa trao nhận như: a) theo nghĩa *trao*, như *tặng, cho, biếu, cấp, phát, trả, nộp, đền, dâng,* v.v.; và b) theo nghĩa *nhận,* như *vay, mượn, đòi, chiếm, cướp, đoạt, thu, thu hồi,* v.v. và tiểu loại động từ gây khiến là "những động từ vận động có tác động gây khiến, chi phối hoạt động của đối tượng " như *làm cho, khiến cho, khiến, bắt buộc, đề nghị,* v.v. [34, tr.79].

Diệp Quang Ban trong *Ngữ pháp tiếng Việt - Phần câu* không nói đến cấu trúc gây khiến mà đề cập đến "kiểu câu chứa chủ ngữ nguyên nhân được đánh dấu bằng động từ chuyển tác là vị tố … và có hai bổ ngữ có thể hoán vị cho nhau, trừ trường hợp ngoại lệ" sau đây [35, tr.189].

- Bão làm (cho) đổ nhiều cây to. > Bão làm (cho) nhiều cây to đổ.

- Giáp thi đỗ làm (cho) cha mẹ vui lòng > Giáp thi đỗ làm (cho) vui lòng cha mẹ.

Về mặt kết cấu, Diệp Quang Ban chủ trương là hai bổ ngữ sau vị từ *làm* phải hoán vị được cho nhau, "bổ ngữ nào đứng trước là bổ ngữ 1, bổ ngữ nào đứng sau là bổ ngữ 2, bổ ngữ 2 là bổ ngữ của bổ ngữ 1". Tác giả cũng ghi nhận "chỗ bắt đầu mơ hồ là trường hợp hai bổ ngữ không thể hoán vị cho nhau; hơn thế nữa, trật tự của chúng rất giống với quan hệ chủ ngữ - vị tố … và nếu như động từ chỉ quan hệ là động từ chuyển tác (ngoại động) thì tính chất mơ hồ sẽ còn cao hơn" [35, tr.189]. Bên cạnh kiểu câu chứa chủ ngữ nguyên nhân, Diệp Quang Ban cũng đề cập đến câu khiến động với tân ngữ là bị thể nhận hành động và "bổ ngữ chỉ nội dung lệnh" [35, tr.196]. Tác giả đưa ra một danh sách khá dài những vị từ thuộc lớp này thường gặp, gồm *bắt (ép), buộc, bức, cản (trở), cấm, chỉ bảo, cho (phép), cổ vũ, cưỡng bức, cưỡng ép, dạy, đề nghị,*

đòi, đòi hỏi, ép, ép buộc, giục, giúp, giúp đỡ, hướng dẫn, hô hào, kêu gọi, khuyên bảo (khuyên nhủ, khuyên răn), khích lệ, khiến, khuyến khích, kích thích, lãnh đạo, mời, nài ép, nài nỉ, nài xin, ngăn, ngăn cản, sai, thúc, thúc đẩy, thuyết phục, xin, yêu cầu [36, tr.196]. Như thế, với Diệp Quang Ban, tính "gây khiến" và "cầu khiến" được quan tâm mặc dù không được đề cập cụ thể.

Cao Xuân Hạo trong *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng* với khi bàn đến các vị từ chuyển tác không đề cập đến vị từ cầu khiến trong việc "phân loại hình câu theo nghĩa biểu hiện của khung vị ngữ" [6, tr.425-447], cũng như không đưa lớp vị từ này vào biểu đồ hệ thống các sự tình [6, tr.429]. Theo tác giả, những vị từ như *sai, bảo, ra lệnh, bắt, yêu cầu, xin, nài,* v.v. kèm theo một câu hành động làm bổ ngữ là những hành động ngôn từ có tính chất điều khiển (directive) và "được một số tác giả coi là những hành động gây khiến [nhưng] thật ra đó là một loại hành động ngôn từ có giá trị ngôn trung riêng, rất khác với hành động gây khiến" [6, tr.436]. Riêng với các vị từ chuyển tác gây chuyển động, tác giả phân biệt giữa cấu trúc gây khiến và cấu trúc kết quả. Theo tác giả, cấu trúc gây khiến (causative) trình bày quan hệ giữa hai sự tình, "hành động chuyển tác gây nên một quá trình nào đó mà chủ thể của quá trình chính là đối thể của hành động chuyển tác … [và] quá trình được biểu hiện thành một vị từ riêng ***không đi liền*** với vị từ chỉ hành động [để có thể tạo] thành chuỗi" [2, tr.435] và cấu trúc kết quả (resultative) trình bày quan hệ chuỗi giữa hành động tác động - trạng thái kết quả, "quá trình [quan hệ hai sự tình] ấy được biểu hiện bằng một vị từ riêng ***đi liền*** với vị từ chỉ hành động làm thành một vị từ kết chuỗi" [6, tr.435]. Như thế, với cùng một cấu trúc câu, khi có sự dịch chuyển của vị từ chỉ sự tình kết quả từ sau danh ngữ bị thể đến trước danh ngữ bị thể thì cấu trúc sẽ được thay đổi như sau.

- *[cấu trúc gây khiến] Nam* ***đập*** *cái cốc* ***vỡ tan*** *ra từng mảnh.* [6, tr.435]
- *[cấu trúc kết quả] Nam* ***đập vỡ (tan)*** *cái cốc.* [6, tr.435]

Nguyễn Thị Quy cùng nhận thức theo hướng gây khiến - kết quả với Ngữ pháp chức năng, tác giả phân loại vị từ gây khiến là một tiểu loại của vị từ hành động, được xếp vào nhóm các vị từ biểu thị những hành động làm cho chủ thể của vị từ thứ hai biến đổi trạng thái vật chất và vị từ cầu khiến là một lớp nhỏ của vị từ gây khiến với các vị từ như *mời, sai, cho phép, thỉnh cầu, ra lệnh, cho, giục* , v.v.[36], [37, tr.48]. Phân biệt giữa vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến, Nguyễn Thị Quy đưa ra bảy điểm khác biệt giữa hai loại vị từ, trong đó hai tiêu chí quan trọng là: a) vị từ thứ hai (V2) trong kết cấu cầu khiến là một vị từ được thực hiện theo chủ ý của chủ thể vị từ; với kết cấu gây khiến thì đó là một vị từ được diễn ra ngoài chủ ý; và b) hành động thể hiện với vị từ thứ hai (V2) trong kết cấu cầu khiến có thể không diễn ra [37, tr.82-84]. Nhìn chung, Nguyễn Thị Quy đã phân biệt rất rõ ràng khác biệt giữa kết cấu với vị từ gây khiến và với vị từ cầu khiến. Nguyễn Thị Quy cho rằng, "vị từ cầu khiến gồm có những vị từ chuyên biệt như: *mời, sai, cho phép, thỉnh cầu, ra lệnh cho, giục* và bao giờ cũng được dùng trong những kết cấu cầu khiến … [với] V [+ chủ ý] là vị từ chỉ hành động đó" [37, tr.81]. Tuy nhiên, trong bảng phân loại vị từ, tác giả không đề cập đến vị từ gây khiến và xếp vị từ cầu khiến là một tiểu loại của vị từ tác động mang nghĩa "làm cho đối tượng biến chuyển" hay có thể hiểu, vị từ gây khiến [37, tr.173]. Như thế, Nguyễn Thị Quy xem vị từ cầu khiến là một tiểu loại của vị từ gây khiến[37].

Phan Thanh Tâm, tương tự Nguyễn Kim Thản, Diệp Quang Ban và Hoàng Văn Thung, Lê Biên, xem xét tính chuyển động của tham tố, chủ yếu là bị thể trong cấu trúc để phân nhóm các vị từ tác động gây chuyển động. Với các vị từ gây khiến có phương thức, tác giả đưa ra ba tiểu nhóm theo chuyển động của tham tố, gồm: a) tham tố chủ thể không chuyển động và tham tố bị thể chuyển động; b) tham tố chủ thể chuyển động không đồng bộ với tham tố bị thể; và c) tham tố chủ thể cùng chuyển động với tham tố bị thể. Với phân nhóm trên, tác giả đưa ra các vị từ *bế, bồng, chở, dẫn, dìu, đưa, khiêng, lăn, vác,* v.v. vào nhóm tham tố chủ thể cùng chuyển động với tham tố bị thể. Tuy nhiên, những vị từ này, mặc dù tạo chuyển động để làm thay đổi không gian của đối tượng, thực sự "hoạt động chỉ chuyển tới đối tượng, chứ không làm cho [nó] thay đổi về trạng thái hoặc vị trí" [30, tr.135] thì không thể được coi là vị từ chuyển tác hay tác động. Nguyễn Thị Quy khẳng định "phải coi những động từ trong nhóm này là không tác động" [37, tr.28].

Trần Kim Phượng trong công trình *Phân biệt động từ gây khiến và động từ cầu khiến tiếng Việt trên ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng* đã phân biệt rõ hai loại vị từ này [38]. Tác giả cho rằng "động từ gây khiến (causative/resultative) là những động từ tác động tới một đối tượng, gây ra sự biến đổi ngoài ý muốn ở đối tượng đó", trong khi "động từ cầu khiến (directive/ manipulative) là những động từ tác động tới đối tượng, với mục đích yêu cầu/ đề nghị đối tượng thực hiện một hành động nào đó" và đưa ra 14 tiêu chí để phân biệt hai nhóm động từ này [38, tr.1]. Theo tác giả, "điểm khác nhau cơ bản nhất là sự chi phối của động từ gây khiến hay cầu khiến tới bổ ngữ và cấu trúc câu (ở phương diện ngữ pháp) cũng như tới các tham thể trong phát ngôn (ở phương diện ngữ nghĩa)" [38, tr.11].

Liên quan đến phân tích cấu trúc theo lý thuyết Đề - Thuyết, Đào Thanh Lan khi phân tích cấu trúc câu *Tiếng động làm Tâm giật mình* quy *Tâm giật mình* là bổ tố (t_2) của chính tố ($đ_2$) *làm* như Hình 1 minh họa. Trong *Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc Đề - Thuyết* , Đào Thanh Lan cũng trình bày kết cấu câu *Khi nãy, gió thổi mạnh làm lung lay cành lá* như Hình 2 (để tiết kiệm không gian, chúng tôi chỉ chụp phần liên quan, phần liên quan đến chu cảnh *Khi nãy* không đưa vào hình). Hình 2 dưới đây trình bày phân tích cấu trúc Đề - Thuyết câu *Khi nãy, gió thổi mạnh làm lung lay cành lá* của Đào Thanh Lan [39, tr.204].

Như thế, Đào Thanh Lan, cũng cùng quan điểm với Cao Xuân Hạo, khi xem *làm lung lay* là một "vị từ kết chuỗi" của cấu trúc kết quả (resultative constructions) tương tự cấu trúc chuỗi vị từ (serial verb constructions) trong các công trình của Mai Thị Thu Hân[40], Lâm Quang Đông[41] hoặc cấu trúc gây khiến - khởi trạng (causative - inchoative structure) trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoàng Yến[42]. Với cấu trúc này, vị từ chính sẽ kết hợp nét nghĩa kết quả của vị từ phụ vào một "vị từ kết chuỗi" hay "chuỗi vị từ" hay "gây khiến - khởi trạng". Trong công trình của Đào Thanh Lan không phân tích cấu trúc câu tương tự *Khi nãy, gió thổi mạnh làm cành lá lung lay* với vị từ *lung lay* được hoán vị. Tuy vậy, suy luận từ câu *Tiếng động làm Tâm giật mình*, chúng ta có thể kết luận rằng khi phân tích theo Đề - Thuyết thì *làm* là chính tố (hay $đ_2$) và *cành lá lung lay* là bổ tố (hay thuyết 2) tương tự cấu trúc gây khiến (causative structure) theo nghiên cứu của Cao Xuân Hạo[6].

Nhìn chung, vị từ chuyển tác với các lớp vị từ khác nhau được rất nhiều tác giả quan tâm. Tuy nhiên, cấu trúc cú pháp của các lớp vị từ được tập trung nhiều hơn so với việc phân nhóm lớp vị từ chuyển tác. Dựa trên những tham khảo được trình bày, tác giả bài viết đưa ra phân nhóm lớp vị từ chuyển tác theo ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp của câu trong phần dưới đây. Việc phân nhóm này không chỉ hệ thống các vị từ thuộc lớp vị từ chuyển tác mà còn là một phương tiện hỗ trợ việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài một cách hiệu quả hơn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tổng hợp quan điểm của các nhà ngữ học đi trước với vấn đề vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến, bài viết này tập trung miêu tả các cấu trúc câu với vị từ chuyển tác nhằm phân biệt và hệ thống các nhóm vị từ thuộc lớp vị từ chuyển tác. Cơ sở lý luận cho phương pháp nghiên cứu được đặt trên ngữ nghĩa của các vị từ liên quan xuất phát từ nền tảng Ngữ pháp chức năng được M. A. K. Halliday trong những năm 1960 đề xuất[43], và Cao Xuân Hạo đưa ra với tiếng Việt trong *Tiếng Việt - Sơ thảo Ngữ pháp chức năng*[28]. Từ ngữ nghĩa của từ vựng, các ràng buộc cho quan hệ nhân quả của sự tình chuyển tác gây khiến hoặc cầu khiến như tính tất yếu hay không tất yếu, tính tức khắc hay có độ trễ, tính có chủ ý hay không có chủ ý của bị thể và chức năng của bị thể trong cấu trúc, việc phân tích xây dựng ngữ đoạn và ngữ pháp của câu với các nhóm vị từ thuộc lớp vị từ chuyển tác được thực hiện với lý thuyết Đề - Thuyết trong tiếng Việt[28].

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

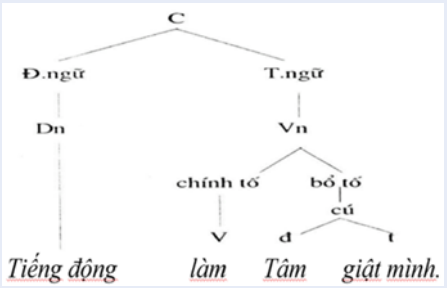
Trong phần này, vấn đề ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp của vị từ chuyển tác với hai nhóm vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến và việc phân tích kết cấu theo lý thuyết Đề - Thuyết sẽ được thảo luận dựa trên hai ràng buộc là: a) cấu trúc vị từ chuyển tác gồm hai danh ngữ, N1 và N2, và hai vị từ, V1 và V2; và b) {N2 + V2} hoặc {V2 + N2} là tiểu cú của cấu trúc và được đặt trong ngoặc đơn phụ của cấu trúc.

Ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp

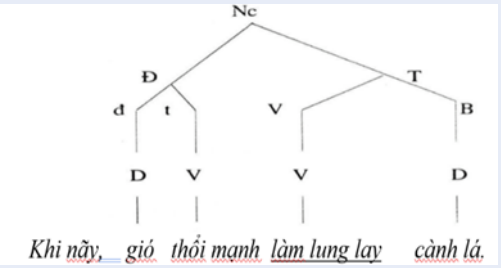
Hình 3 dưới đây trình bày việc phân nhóm và mối quan hệ giữa các nhóm thuộc lớp vị từ chuyển tác hay tác động trong tiếng Việt.

Có thể thấy, qua sơ đồ phân nhóm cấu trúc của các loại vị từ chuyển tác gần nhưng hoàn toàn giống nhau với cấu trúc [N1 + V1 + {N2 + V2}], ngoại trừ cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động có thể hoán chuyển mệnh đề phụ với cấu trúc [N1 + V1 + {V2 + N2}]. Do vậy, khác biệt giữa các nhóm, tiểu nhóm vị từ chuyển tác này đến từ: (i) ngữ nghĩa vị từ; (ii) tính tức khắc, với vị từ gây khiến, hay không tức khắc, với vị từ cầu khiến; (iii) tính tất yếu của kết quả với vị từ gây khiến và tính không tất yếu với vị từ cầu khiến; (iv) tính có chủ ý, với vị từ cầu khiến, hay không có chủ ý, với vị từ gây khiến, của bị thể; (v) chức năng của bị thể khi là bị thể (theme) với vị từ tác động gây chuyển động, khi là người trải nghiệm (experiencer) với vị từ tác động gây thay đổi trạng thái tâm lý, khi là người thực hiện (actor) với vị từ cầu khiến; và (vi) tính chuyển tác trực tiếp hay nhận thức chuyển tác với vị từ cầu khiến trực tiếp và gián tiếp.

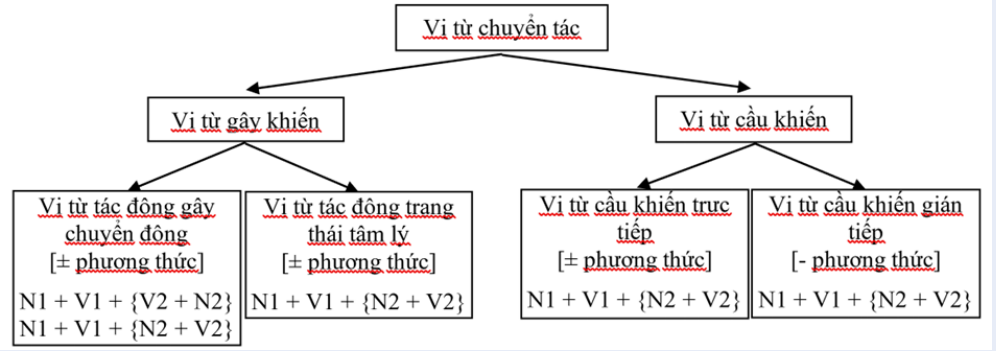
Về mặt ngữ nghĩa, ***vị từ chuyển tác*** hay ***vị từ tác động*** là vị từ thể hiện một sự tình chuyển tác, có tích hợp phương thức, [+ phương thức], hoặc không có tích hợp phương thức, [- phương thức], từ chủ thể lên N2 tạo ra chuyển động cho N2 về mặt không gian hoặc trạng thái hoặc thay đổi trạng thái tâm lý. Về mặt kết cấu cú pháp, một cấu trúc với vị từ chuyển tác bao gồm N1 là danh ngữ chỉ chủ thể sự tình, V1 là vị từ chuyển tác, N2 là danh ngữ chỉ bị thể của sự tình chuyển tác



Hình 1: Phân tích Đề - Thuyết câu Tiếng động làm Tâm giật mình (Nguồn: [39,tr.142])



Hình 2: Phân tích Đề - Thuyếtcâu Khi nãy, gió thổi mạnh làm lung lay cành lá (Nguồn: [39, tr.204])



Hình 3: Phân nhóm và quan hệ giữa các nhóm vị từ thuộc lớp vị từ chuyển tác (Nguồn: Tác giả)

và V2 là vị từ chỉ chuyển động của bị thể về không gian hoặc trạng thái hoặc thay đổi trạng thái tâm lý. Quan hệ giữa hai sự tình, sự tình chuyển tác và sự tình kết quả, trong quá trình chuyển tác là quan hệ nhân quả. Vị từ chuyển tác được phân thành hai nhóm là ***vị từ gây khiến*** và ***vị từ cầu khiến***. Hai khác biệt về ngữ nghĩa giữa hai nhóm vị từ này là: a) tính tất yếu xảy ra; và b) "độ trễ" giữa sự tình chuyển tác và sự tình kết quả. Với *vị từ gây khiến*, sự tình kết quả tất yếu được diễn ra và diễn ra ngay tức khắc khi sự tình gây khiến được thực hiện; với *vị từ cầu khiến* sự tình kết quả không tất yếu diễn ra mà chỉ có thể diễn ra do quyết định tri thức (cognitve decision) của N2[27] và có một "độ trễ" nhất định tùy thuộc vào quyết định tri thức của N2 đáp lại sự tình chuyển tác của chủ thể.

Vị từ gây khiến

Các vị từ gây khiến được chia thành hai tiểu nhóm chủ yếu phụ thuộc vào tính chuyển động hay không chuyển động của bị thể, ***vị từ tác động gây chuyển động*** và ***vị từ tác động thay đổi tâm lý*** . Đặc trưng của *vị từ tác động gây chuyển động* là có hai cấu trúc cú pháp, [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}], chỉ sự tình kết quả của cấu trúc, trong đó vị từ chuyển động là một vị từ phi tác cách (unaccusative verb) chỉ chuyển động về mặt không gian hoặc trạng

thái của N2. Các vị từ tác động gây chuyển động có thể tích hợp phương thức, như *thổi, đá, đẩy, xô, đạp, bắn, nấu, nướng,* v.v. hoặc không tích hợp phương thức thực hiện như *làm, làm cho, khiến, khiến cho*. Về mặt chức năng, trong kết cấu sự tình kết quả của cấu trúc với vị từ gây khiến, N2 là người trải nghiệm (experiencer) để trải qua một tình trạng hay tiến trình tinh thần hoặc hành vi, thay vì thực hiện sự tình kết quả của sự tình chuyển tác như một tác thể[44]. Vị từ phi tác cách trong tiểu cú chỉ sự tình kết quả cũng thể hiện chức năng này của N2, khi vị từ phi tác cách đề cập đến chuyển động của chủ thể nhưng chủ thể nhận hành động và không có tác thể thực hiện hành động[45]. Về mặt nhận thức, với các vị từ không tích hợp phương thức, câu thông báo tập trung vào sự tình kết quả hơn là sự tình chuyển tác. Trong chừng mực nào đó, diễn đạt với các vị từ chuyển tác không tích hợp phương thức tương tự những vị từ gây tác động trong tiếng Anh (causative verbs) như *to cause, to make, to let, to get,* và *to help*[46].

- [+ phương thức] *Bão **thổi bay** mười căn nhà xuống sông.* [N1 + V1 + {V2 + N2}]
- [+ phương thức] *Bão **thổi** mười căn nhà **bay** xuống sông.* [N1 + V1 + {N2 + V2}]
- [- phương thức] *Gió **làm lung lay** cành lá.* [N1 + V1 + {V2 + N2}]
- [- phương thức] *Gió **làm** cành lá **lung lay**.* [N1 + V1 + {N2 + V2}]

Cả hai cấu trúc trên, vị từ tác động gây chuyển động đều có giá trị chỉ sự tình kết quả của hành vi chuyển tác với khác biệt diễn đạt tập trung vào sự tình, {V2 + N2}, hay vào đối tượng nhận tác động, {N2 + V2}. Cũng cần lưu ý, khi "tôi" là danh ngữ V2 trong cấu trúc thì chỉ có một cấu trúc [N1 + V1 + {N2 + V2}] được diễn đạt.

Các vị từ gây khiến *tác động thay đổi tâm lý* thường không tích hợp phương thức như *làm, làm cho, khiến, khiến cho* cùng một số hạn chế vị từ có tích hợp phương thức như *hù, dọa,* v.v. và chỉ có một cấu trúc cú pháp theo tuyến tính là [N1 + V1 + {N2 + V2}]. Tương tự vị từ tác động gây chuyển động, sự tình kết quả trong cấu trúc vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý tất yếu xảy ra theo sự tình chuyển tác trong quan hệ nhân quả.

- [+ phương thức] *Hắn **hù** tôi **sợ** chết khiếp.* [N1 + V1 + {N2 + V2}]
- [- phương thức] *Hắn **làm** tôi **giật mình**.* [N1 + V1 + {N2 + V2}]

Vị từ cầu khiến

Về mặt kết cấu cú pháp, cấu trúc vị từ cầu khiến cũng tương tự cấu trúc [N1 + V1 + {N2 + V2}] với vị từ gây khiến. Tuy nhiên, về mặt chức năng, chủ thể của V2 trong cấu trúc là tác thể (actor) khởi xướng hay thực hiện hành vi của sự tình kết quả [44]. Ngay cả trong những trường hợp mà N2 tiếp nhận cảm xúc hoặc cảm giác của một đối tượng trải nghiệm như trong câu:

- *Anh ta **khuyên** tôi **nghe** bài hát đó .*

Ở câu trên, N2 cũng thực sự có chủ đích thực hiện hành vi *nghe*. Về mặt nhận thức, với các vị từ cầu khiến, chủ thể của V2 trong cấu trúc là một người hay động vật có thể sai khiến được [37, tr.83], và sự tình kết quả không tất yếu xảy ra khi kéo theo sự tình chuyển tác của vị từ V1 mà chỉ xảy ra theo quyết định tri thức (cognitive decision) của N2 và có một "độ trễ" nhất định giữa sự tình chuyển tác và sự tình kết quả. Goldberg cho rằng, những động từ thuộc nhóm đòi hỏi quyết định tri thức của bị thể để sự tình kết quả diễn ra, như trong tiếng Anh, *to convince* (thuyết phục ... tin gì), *to persuade* (thuyết phục ... làm gì), *to instruct* (hướng dẫn), *to encourage* (động viên, khuyến khích) v.v. không được xem là thuộc cấu trúc gây chuyển động (caused-motion constructions) ngay cả khi các động từ này có hình thức động từ nguyên mẫu chỉ sự tình kéo theo.

- *Sam convinced/ persuaded/ encouraged/ instructed him to go into the room.* [27]

Các vị từ cầu khiến được phân thành hai tiểu nhóm với cùng cấu trúc cú pháp tuyến tính [N1 + V1 + {N2 + V2}] dựa theo ngữ nghĩa của hành vi chuyển tác, *vị từ cầu khiến trực tiếp,* có hoặc không có phương thức, khi chủ thể thực sự thực hiện hành vi chuyển tác và *vị từ cầu khiến gián tiếp,* thường không có phương thức, khi chủ thể không thực sự thực hiện hành vi chuyển tác, như:

- [± phương thức] [+ trực tiếp] *Anh ta **để nghị/năn nỉ/thúc giục** tôi **hợp tác** với anh ta.*
- [- phương thức] [+ gián tiếp] *Thái độ của người chủ quán **làm/làm cho/khiến/khiến cho** các khách hàng lần lượt **bỏ đi**.*

Trong hai ví dụ trên, hành vi *để nghị/năn nỉ/thúc giục* được xem là hành vi cầu khiến trực tiếp khi sự tình được chuyển tác từ chủ thể sang bị thể trong khi hành vi *làm/làm cho/khiến/khiến cho* được xem là hành vi cầu khiến gián tiếp khi sự tình "chuyển tác" thực sự được nhận thức của bị thể chứ hoàn toàn không có tính chuyển tác từ chủ thể sang bị thể. Với *Người chủ quán **làm/làm cho/khiến/khiến cho** các khách hàng lần lượt bỏ đi* thì hành vi *làm/làm cho/khiến/khiến cho* là hành vi cầu khiến trực tiếp khi có sự tình chuyển tác thực sự. Nét chung của hai tiểu nhóm là "độ trễ" giữa sự tình chuyển tác, trực tiếp hoặc gián tiếp, và sự tình kết quả *hợp tác với anh ta* và *khách hàng lần lượt bỏ đi*; khác với tính ngay tức khắc với vị từ gây khiến.

Phân tích kết cấu theo lý thuyết Đề - Thuyết

Vị từ gây khiến

Nhóm vị từ gây khiến gồm hai tiểu nhóm, vị từ tác động gây chuyển động và vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý.

Vị từ tác động gây chuyển động

Biểu đồ hình cây Đề - Thuyết cho cả hai kết cấu cú pháp tuyến tính vị từ gây khiến [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}] cho thấy, ở cấp độ "Câu" thì danh ngữ N1 là "Đề" và phần còn lại của câu là "Thuyết". Phần "Thuyết" khi đó sẽ có tiểu đề "$đ_2$" là vị từ gây khiến chỉ hành vi chuyển tác của chủ thể "Đề" và phần còn lại của "Thuyết" là "t_2" chỉ sự tình kết quả của sự tình chuyển tác. Như thế, lý thuyết Đề - Thuyết cho thấy sự tình kết quả, dù bắt đầu là vị từ hay danh ngữ, đều là thuyết "t_2" lấy vị từ gây khiến là đề "$đ_2$". Như đã trình bày, đặc trưng của cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động là vị từ chỉ sự tình kết quả là một vị từ phi tác cách (unaccusative) chỉ chuyển động về không gian hoặc trạng thái của N2 khi nhận hành vị chuyển tác. Hai hình thức {N2 + V2} và {V2 + N2} của sự tình kết quả thể hiện đặc trưng của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt khi vị từ này có thể đứng trước và cả đứng sau danh ngữ, vừa là chủ thể của sự tình kết quả vừa là bị thể của cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động. Sử dụng phương tiện đánh dấu phân chia Đề - Thuyết trong câu [6, tr.232-255] có thể thấy "*thì*" và "*là*" có thể đặt giữa "Đ" và "T" hoặc "$đ_2$" và "t_2" như *Gió [thì] thổi bay mười căn nhà xuống sông* hoặc *Gió [thì] thổi mười căn nhà bay xuống sông*, cũng như *Gió thổi [là] bay mười căn nhà xuống sông* hoặc *Gió thổi [là] mười căn nhà bay xuống sông.* Hình 4 dưới đây minh họa kết cấu cú pháp theo cấu trúc hình cây của các câu trên. Trong cấu trúc hình cây này, t_2 là một mệnh đề như $đ_3$ = *cành lá* và t_3 = *lung lay*, tuy nhiên việc phân tích này nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của đề tài này nên không được thể hiện chi tiết.

Vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý

Biểu đồ hình cây phân tích theo lý thuyết Đề - Thuyết của cấu trúc vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý cũng tương tự biểu đồ theo cấu trúc [N1 + V1 + {N2 + V2}] của vị từ tác động gây chuyển động. Danh ngữ N1 là Đề, phần còn lại của câu là Thuyết. Trong phần còn lại của câu, vị từ chuyển tác, có hay không có phương thức, là "$đ_2$" và cấu trúc {N2 + V2} của câu là "t_2". Biểu đồ trong Hình 5 dưới đây trình bày kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý được phân tích theo lý thuyết Đề - Thuyết. Tương tự cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động, phương tiện phân giới *thì* và *là* có thể đặt giữa "Đ" và "T" hoặc "$đ_2$" và "t_2" như *Hắn [thì] làm tôi giật mình* hoặc *Hắn [thì] dọa thằng bé khóc thét,* cũng như *Hắn làm [là] tôi giật mình* hoặc *Hắn dọa [là] thằng bé khóc thét.* Hình 5 minh họa cấu trúc cú pháp theo hình cây hai câu trên với vị từ tác động gây thay đổi trạng thái tâm lý không phương thức *làm* và có phương thức *dọa*.

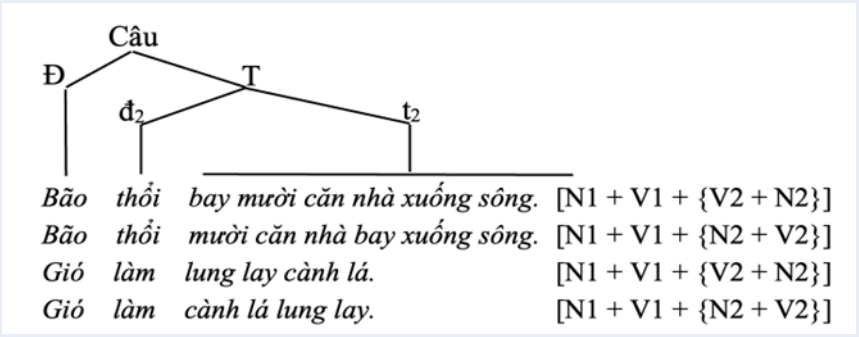
Vị từ cầu khiến

Biểu đồ hình cây phân tích theo lý thuyết Đề - Thuyết của cấu trúc vị từ cầu khiến, cả trực tiếp và gián tiếp, cũng hoàn toàn tương tự với cấu trúc vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý và cấu trúc [N1 + V1 + {N2 + V2}] của vị từ tác động gây chuyển động. Với tiểu đề [$đ_2$] là vị từ cầu khiến, tiểu cú {N2 +V2} là thuyết [t_2]. Trong Hình 6 dưới đây, ký hiệu t^+ được thêm vào để biểu thị "độ trễ" của sự tình kết quả sau sự tình chuyển tác và sự tình kết quả được biểu thị với đường đứt quãng biểu thị việc không tất yếu diễn ra như với vị từ gây khiến.

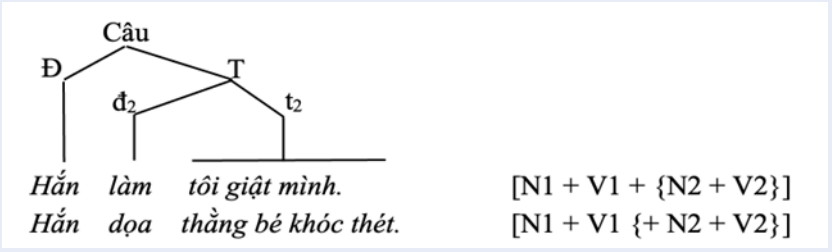
Hình 6 phân tích theo cấu trúc vị từ cầu khiến với cấu trúc hình cây.

KẾT LUẬN

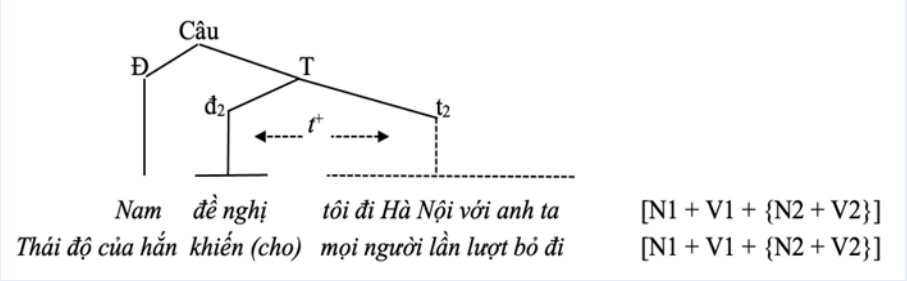
Dựa trên ngữ nghĩa và kết cấu cấu trúc của vị từ chuyển tác cùng chức năng các tham tố trong cấu trúc, bài viết này đề xuất các vị từ chuyển tác được phân nhóm với hai nhóm chính là *vị từ gây khiến* và *vị từ cầu khiến*. Với các vị từ gây khiến, sự tình kết quả tất yếu diễn ra ngay khi sự tình chuyển tác được thực hiện và chủ thể của V2 là người nhận hoặc trải nghiệm hành vi kết quả. Các vị từ gây khiến cũng được phân thành hai tiểu nhóm, gồm *vị từ tác động gây chuyển động* và *vị từ tác động gây trạng thái tâm lý*. Các vị từ tác động gây chuyển động, về không gian hoặc trạng thái, đòi hỏi một vị từ phi tác cách là V2 và có hai kết cấu cú pháp cho tiểu cú sự tình kết quả là [N1 + V1 + {N2 + V2}] và [N1 + V1 + {V2 + N2}] khi đặc trưng của vị từ phi tác cách trong tiếng Việt có hai cấu trúc bề mặt, chủ thể của vị từ có thể đứng trước hoặc đứng sau vị từ; các vị từ tác động gây thay đổi trạng thái tâm lý chỉ có một kết cấu cú pháp tuyến tính là [N1 + V1 + {N2 + V2}] và chức năng của N2 là đối tượng trải nghiệm vị từ V2. Với các *vị từ cầu khiến*, kết cấu cú pháp tuyến tính chung là [N1 + V1 + {N2 + V2}], nhưng về mặt ngữ nghĩa và chức năng của tham tố thì sự tình kết quả không tất yếu diễn ra và chỉ diễn ra sau một quyết định nhận thức của chủ thể của V2, đối tượng là tác thể của vị từ về mặt chức năng. Nhóm vị từ này cũng được phân thành hai tiểu nhóm của nó gồm các *vị từ cầu khiến trực tiếp* khi tác thể của V1 thực hiện hành vi chuyển tác và các *vị từ cầu khiến gián tiếp* khi tác thể của V1 không thực sự thực hiện hành vi chuyển tác. Bên cạnh việc phân nhóm trên, các nhóm của vị từ gây khiến và cầu khiến đều có hai nhóm nhỏ dựa



Hình 4: Phân tích theo Đề - Thuyết kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ tác động gây chuyển động (Nguồn: Tác giả)



Hình 5: Phân tích theo Đề - Thuyết kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ tác động thay đổi trạng thái tâm lý (Nguồn: Tác giả thực hiện)



Hình 6: Phân tích theo Đề - Thuyết kết cấu cú pháp của cấu trúc vị từ cầu khiến, trực tiếp và gián tiếp (Nguồn: Tác giả)

theo nét nghĩa có hay không có tích hợp phương thức thực hiện hành vi chuyển tác. Với các vị từ không tích hợp phương thức chuyển tác, như *làm, làm cho, khiến, khiến cho, giúp, giúp cho,* v.v., sự tình kết quả là trung tâm thông tin truyền đạt.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số C2025-18b-07.

Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã tài trợ chính và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nghiên cứu đề tài.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

N: danh ngữ
V: Vị từ
Nc: Nòng cốt (Đề ngữ - Thuyết ngữ)
Đ: Đề ngữ
T: Thuyết ngữ
Cú (đ - t)
t+: biểu thị cho "độ trễ" của sự tình kết quả
B: Bổ ngữ

D: Danh ngữ
C: Câu
Đ.ngữ: Định ngữ
T.ngữ: Trạng ngữ
Dn: Danh ngữ
Vn: Vị ngữ

TUYÊN BỐ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Bản thảo này không có xung đột lợi ích.

TUYÊN BỐ ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của chính tác giả.

Về lý thuyết, việc phân nhóm lớp vị từ chuyển tác với hai nhóm vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến giúp cho việc xác định rõ ràng các nhóm và tiểu nhóm của vị từ chuyển tác. Việc phân nhóm này phần nào giúp việc hệ thống lớp vị từ chuyển tác được minh bạch, đặc biệt khi chức năng của tham tố bị thể được quan tâm, tránh những bất cập trong việc xác định kết cấu cú pháp, ngữ nghĩa của các vị từ chuyển tác.

Về thực tiễn, bài viết giúp làm sáng tỏ lớp vị từ chuyển tác, thể hiện đúng nhận thức của người Việt khi sử dụng ngôn ngữ, đặc biệt khi bản chất của các vị từ về mặt ngữ pháp chức năng được quan tâm để quy về từng nhóm, từng tiểu nhóm. Quan trọng hơn cả, việc phân tích và xếp loại các vị từ chuyển tác thành nhóm riêng biệt là vị từ gây khiến và vị từ cầu khiến với các tiểu nhóm giúp việc giảng dạy tiếng Việt, đặc biệt cho người nước ngoài, thuận lợi hơn khi tránh được những trùng lắp trong các phân biệt các lớp vị từ, cũng như giúp người học tiếng Việt nhận thức rõ chức năng của từng vị từ khi được quy về từng lớp cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Talmy L. Semantic structures in English and Atsugewi [Ph.D. dissertation]; 1972.
2. Talmy L. Lexicalization patterns: semantic structure in lexical forms. Cambridge: Cambridge University Press; 1985.
3. Talmy L. Typology and process in concept structuring. vol. Volume 2. Cambridge (Mass.): MIT Press; 2000. Available from: https://doi.org/10.7551/mitpress/6848.001.0001.
4. Goldberg AE. A Construction Grammar Approach to Argument Structure. Chicago, USA: The University of Chicago Press; 1995.
5. Methodology. Oxford: Oxford University Press; 2010.
6. Hạo CX. Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng (tái bản lần 1). Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 2004.
7. Levin B. English Verb Classes and Alternations. Chicago: University of Chicago Press; 1993.
8. Levin B, Hovav MR. The lexical semantics of verbs of motion: The perspective from unaccusativity. Berlin: Mouton de Gruyter; 1992. Available from: https://doi.org/10.1515/9783110872613.247.
9. Rappartport HM, Levin B. Butt M, Geuder W, editors. Building Verb Meanings. Stanford: CSLI Publications; 1998.
10. Folli R, Ramchand GC. Prepositions and Results in Italian and English: An Analysis from Event Decomposition; 2006. Available from: https://doi.org/10.1007/1-4020-3232-3_5;https://www.researchgate.net/publication/226789900.
11. Zubizarreta ML, Oh E. On the Syntactic Composition of Manner and Motion (Linguistic Inquiry Monograph 48). Studies in English Literature. 2007;50:242–53. Available from: https://doi.org/10.7551/mitpress/5132.001.0001.
12. Ramchand GC. Verb Meaning and The Lexicon. Cambridge: Cambridge University Press; 2008. Available from: https://doi.org/10.1017/CBO9780511486319.
13. Beavers J, Levin B, Tham SW. The Typology of Motion Expressions Revisited. Department of East Asian Languages and Literature, Wellesley College; 2008. Available from: https://doi.org/10.1017/S0022226709990272.
14. den Dikken M. On the functional structure of locative and directional PPs. Semantic Scholars; 2010. Available from: https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780195393675.003.0003.
15. Ruxandra D. Motion verbs and the expression of Direct Motion in English; 2012. Available from: http://bwpl.unibuc.ro/uploads_ro/841/BWPL_2011_nr_2_Dragan.pdf.
16. Inagaki S. Motion Verbs with Goal PPs in the L2 Acquisition of English and Japanese. United States of America: Cambridge University Press; 2001. Available from: https://doi.org/10.1017/S0272263101002029.
17. Gavruseva E. The Complicity of Telicity in the Root Infinitive Effect in Child L2 English.; 2003.
18. Huang YY, Yang S, Proceedings of the 7th Generative Approaches to Second Language Acquisition Conference (GASLA 2004). Telicity in L2 Chinese Acquisition. Somerville, MA: Cascadilla Proceedings Project; 2005.
19. Jeschull L, Proceedings of the 2nd Conference on Generative Approaches to Language Acquisition North America (GALANA). The Pragmatics of Telicity and What Children Make of It. Somerville, MA: Cascadilla Proceedings Project; 2007.
20. Papafragou A, Selimis S. On the acquisition of motion verbs cross-linguistically. In: Proceedings of the 8th International Conference on Greek Linguistics; 2007.
21. Gabriele A, Roumyana Slabakova et al (ed), Proceedings of the 9th Generative Approaches to Second Language Acquisition Conference (GASLA 2007). Calculating Telicity in Native and Non-native English. Somerville, MA: ascadilla Proceedings Project; 2008.
22. L2 Acquisition of the Russian Telicity Parameter. In: Bowles M, et al., editors. Proceedings of the 10th Generative Approaches to Second Language Acquisition Conference (GASLA 2009). Somerville, MA: Cascadilla Proceedings Project; 2009. p. 248–263.
23. Peng K. Acquisition of causative directed manner of motion by English speaking learners of Chinese [Dissertation at the University of Arizona]; 2011.
24. Acquisition of English verb transitivity by native speakers of Japanese. Cascadilla Proceedings Project; 2012. Available from: https://doi.org/10.3765/exabs.v0i0.537.
25. Ohara KH. Linguistic Encodings of Motion Events in Japanese and English: A Preliminary Look; 2012. Available from: http://koara.lib.keio.ac.jp/xoonips/modules/xoonips/download.php?file_id=10025.
26. Tâm PT. Ngữ nghĩa và kết cấu cú pháp vị từ tác động gây chuyển động trong tiếng Việt (có so sánh với tiếng Anh) [Luận văn thạc sĩ]. TP.HCM: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2013.
27. Tâm PT. Phân nhóm vị từ tác động gây chuyển động trong tiếng Việt -Từ góc độ chuyển động của tham tố. Tạp chí Từ điển học Bách khoa thư. 2020;4(66):37–42.
28. Hạo CX. Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội; 1991.
29. Cổn NH. Cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt: Chủ vị hay Đề - Thuyết. Tạp chí Ngôn ngữ. 2009;2.
30. Thản NK. Động từ trong tiếng Việt. and others, editor. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học xã hội; 1977.
31. Cận L, Thiều P. Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt, Tập 1 và 2. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1983.
32. Thung HA, A L. Ngữ pháp tiếng Việt. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp; 1995.

33. Ban DQ, Thung HV. Ngữ pháp tiếng Việt, tập 1. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1999.
34. Biên L. Từ loại tiếng Việt hiện đại. Hà Nội: Nhà Xuất bản Giáo dục; 1999.
35. Ban DQ. Ngữ pháp tiếng Việt - Phần câu. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm; 2004.
36. Quy NT. Vị từ hành động tiếng Việt và các tham tố của nó [Luận án tiến sĩ]; 1994.
37. Quy NT. Ngữ pháp chức năng tiếng Việt: Vị từ hành động. Hà Nội: Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội; 2002.
38. Phượng TK. Phân biệt động từ gây khiến và động từ cầu khiến tiếng Việt trên ba bình diện: ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng. TP.HCM: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; 2016.
39. Đào Thanh Lan. Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc Đề - Thuyết. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2002.
40. Hân MTT. Verbs of motion and their lexicalization patterns in English and Vietnamese - A perspective from cognitive semantics. VNU Journal of Science, Foreign Language. 2011;27:107–114.
41. Đông LQ. Một số đặc thù của kết cấu chuỗi vị từ tiếng Việt. Hà Nội: Viện Ngôn ngữ học; 2014.
42. Yến NTH. Về cặp vị từ gây khiến - khởi trạng trong tiếng Việt. Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. 2016;8(86):77–88.
43. Halliday MA. An Introduction to Functional Grammar (1 st edition). London: Edward Arnold; 1985.
44. Perlmutter DM. Impersonal Passives and the Unaccusative Hypothesis. In: Proceedings of the Annual Meeting of the Berkeley Linguistics Society. the Berkeley: Linguistics Society; 1978. p. 157–189. Available from: https://doi.org/10.3765/bls.v4i0.2198.
45. Swan M. Practical English Usage. Oxford: Oxford University Press; 2005.
46. Phổ NV. "Làm" trong cấu trúc gây khiến, kết quả; 2022.

VNUHCM Journal of Social Sciences and Humanities 2026, 10(3):4027-4037

Open Access Full Text Article

Research Article

The Typological Classification of Vietnamese Causative Verbs: in Accordance with the Semantic and Syntactic structure under Topic - Comment Theory

Phan Thanh Tam*

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Applying the method of morpheme analysis and valency - argument analysis, the article aims to classify causative verbs based on the semantics of the verb and the syntactic structure of that verb's construction. Semantically, causative verbs are divided into two groups: causative verbs and directive verbs, based on the inevitability of the result and the ``delay'' between the causative event and the resulting event. With causative verbs, the resulting event happens inevitably and immediately when the causative event occurs, whereas with directive verbs, the resulting event only occurs according to the subject's cognitive decision, and there is a certain ``delay'' depending on the subject's cognitive decision for the event to occur.

Causative verbs are further divided into two subgroups: caused-motion verbs, which have two syntactic structures indicating the resulting event: [N1 - V1 {N2 - V2}] and [N1 - V1 {V2 - N2}]; and verbs causing psychological change, with the syntactic structure [N1 - V1 {N2 - V2}]. Directive verbs have only one linear syntactic structure [N1 - V1 {N2 - V2}] but are also divided into two subgroups: direct directive verbs and indirect directive verbs. The subgroups of both causative verbs and directive verbs also contain two types of verbs with integrated manner [+manner] indicating actions done and non-integrated manner [-manner] where cognitive transfer is focused on the resulting event.

Key words: causative verbs, directive verbs, caused-motion verbs, causative structures

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Phan Thanh Tam, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: phanthanhtam@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 30-06-2025
- Revised: 24-02-2026
- Accepted: 31-08-2026
- Published Online: 28-09-2026

DOI : https://doi.org/10.32508/vnuhcmjssh.v10i3.1195

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Journal . This is an open-access article distributed under theterms of the Creative CommonsAttribution 4.0 International license.

Cite this article : Tam P T. **The Typological Classification of Vietnamese Causative Verbs: in Accordance with the Semantic and syntactic Structure under Topic - Comment Theory** *VNUHCMJ. Soc. Sci. Humanit.* 2026; 10(3):4027-4037.